

Số: /TT-UBTVQH

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Báo cáo số 265/BC-CP ngày 09/8/2022 gửi UBTQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, trong đó có Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Tổng thư ký Quốc hội, Quốc hội khóa XV đã có Thông báo kết luận số 1486/TB-TTKQH ngày 27/9/2022 về Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 và triển khai Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Điểm 2 mục III. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới của Thông báo đã nêu “*Đối với 32 nhiệm vụ lập pháp đã hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới luật, pháp lệnh, nghị quyết nhưng chưa có đề xuất đưa dự án vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, đề nghị Chính phủ, các cơ quan thẩm quyền chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đưa vào Chương trình, đặc biệt là đối với những dự án dự kiến đưa vào Chương trình năm 2022, năm 2023. Đồng thời, cần bảo đảm chất lượng, thứ tự ưu tiên và tính khả thi của Chương trình, tránh việc phải chuẩn bị lại vì chưa đáp ứng được yêu cầu.*”

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT, thu thập kinh nghiệm quốc tế; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, lấy ý kiến rộng rãi tổ chức, cá nhân có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia; xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi như sau:

I. SỰ CÀN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THUẾ GTGT SỬA ĐỔI

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước

Luật thuế GTGT (sửa đổi) được thông qua ngày 03/6/2008 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khoá XII có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 để thay thế cho Luật thuế GTGT năm 1997 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT năm 2003, năm 2005. Luật thuế GTGT đã qua 03 lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2013, 2014 và năm 2016 để xử lý các bất cập phát sinh trong thực tiễn và phù hợp với yêu cầu quản lý thuế trong từng giai đoạn¹.

- Ngày 18/11/2016, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung “*Hoàn thiện chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thuế NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...*”.

- Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

¹ Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015; Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016.

- Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 đưa ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau: “*Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dư địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước. Khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện một số luật thuế, nhất là Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... Chú trọng các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản để tránh thất thoát. Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế*”.

- Điểm b, khoản 1, mục II, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế GTGT: “*mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất; nghiên cứu tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng theo lộ trình; rà soát điều chỉnh ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ cho phù hợp với thực tế; nghiên cứu áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với người nộp thuế có doanh thu dưới ngưỡng hoặc không đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ; hoàn thiện các quy định liên quan đến thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, đảm bảo phản ánh đúng bản chất và phù hợp thông lệ quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo hướng đơn giản, minh bạch và đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan*”.

2. Đáp ứng những yêu cầu từ thực tiễn phát sinh

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT trong thời gian qua đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội như góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp theo hướng chế biến sâu, nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu; khuyến khích doanh nghiệp tăng cường quản trị kinh doanh, phòng ngừa các hành vi lợi dụng chính sách hoàn thuế GTGT; tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu NSNN. Tuy nhiên, với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và xu hướng phát triển thời gian tới, chính sách thuế GTGT hiện hành đã phát sinh một số hạn chế nhất định cần tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của thuế GTGT. Các nội dung cần nghiên cứu sửa đổi như: Cần thu hẹp đối tượng không chịu thuế

GTGT; Nghiên cứu sửa đổi mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT cho phù hợp với thực tế; Thu hẹp đối tượng chịu thuế GTGT suất 5% theo định hướng nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế; Nghiên cứu điều chỉnh tăng mức thuế suất phổ thông (10%) cho phù hợp trong quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế; Nghiên cứu sửa đổi quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản cho minh bạch, thống nhất cách hiểu giữa người nộp thuế và cơ quan thuế; Sửa đổi quy định về khâu trù thuế GTGT đầu vào để tăng cường ngăn chặn gian lận trong khâu trù, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách; Tiếp tục sửa đổi một số thủ tục hoàn thuế để tạo điều kiện hơn nữa cho doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ thông qua đó tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Những vấn đề cần nghiên cứu sửa đổi nêu trên là yêu cầu của thực tiễn cần phải sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT để giải quyết những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện nhằm đáp ứng với yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội và quản lý thuế, phù hợp với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển.

(Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT trình kèm)

3. Phù hợp xu hướng cải cách thuế GTGT của các nước

Xu hướng cải cách thuế của các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cơ cấu lại thu NSNN theo hướng tăng cường nguồn thu từ thuế gián thu, cụ thể để tăng nguồn thu bù đắp cho nguồn thu giảm do giảm thuế nhập khẩu, thuế thu nhập, các nước có xu hướng chuyển hướng tăng thu từ thuế tiêu dùng (thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt), mở rộng cơ sở thuế thông qua giải pháp thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT và đổi tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT ưu đãi; điều chỉnh tăng mức thuế suất phổ thông. Đồng thời, sửa đổi quy định về thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Từ các cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi là cần thiết.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ GTGT SỬA ĐỔI

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
- Phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.
- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng cơ sở thu thuế; nghiên cứu sửa đổi một số quy định để chống gian lận và chống thất thu thuế GTGT, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN.
- Sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật

a) Việc xây dựng dự án Luật nhằm thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh.

c) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

d) Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế GTGT hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

đ) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Phạm vi điều chỉnh gồm

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 về đối tượng không chịu thuế;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 về giá tính thuế;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 về thuế suất;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 về khấu trừ thuế GTGT đầu vào;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 về các trường hợp hoàn thuế;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 về tổ chức thực hiện.

2. Mục tiêu, nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng luật

2.1. Chính sách 1: Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%)

2.1.1. Mục tiêu

- Bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong quá trình cơ

cầu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội.

- Mở rộng cơ sở thuế, tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế thông qua giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%.

- Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất trong nước, bảo đảm hàng hóa sản xuất trong nước cạnh tranh bình đẳng với hàng hóa nhập khẩu cùng loại.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

2.1.2. Giải pháp

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 để thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT (chuyển một số hàng hóa, dịch vụ sang đối tượng chịu thuế 5% hoặc 10%); nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật thuế GTGT để thu hẹp đối tượng chịu thuế 5% (chuyển một số dịch vụ sang đối tượng chịu thuế 10%).

2.1.3. Lý do lựa chọn giải pháp

- Về đối tượng không chịu thuế GTGT

+ Thực tiễn phát sinh vướng mắc, một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp (như: phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp TSCĐ để tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công ích (như: dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa và xã hội hóa đang diễn ra phổ biến và nhiều lĩnh vực dịch vụ công ích đang có xu hướng chuyển sang xã hội hóa ngày càng nhiều. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều đã tham gia cung cấp các nhóm dịch vụ công ích trên. Việc quy định các dịch vụ công đã được xã hội hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT cho thấy không còn phù hợp vì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên thuế GTGT đầu vào của số vốn đầu tư đưa vào kinh doanh dịch vụ sẽ không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Theo đó, để khắc phục bất cập này, cần thiết nghiên cứu, sửa đổi để thu hẹp

đối tượng không chịu thuế GTGT đối với các dịch vụ công đã được xã hội hóa.

- Về đối tượng chịu thuế 5%

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế (số liệu thống kê của IMF²), đa số các nước (47,6%) áp dụng thuế GTGT có biểu thuế suất gồm một mức (không tính mức thuế suất 0% cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu); 31,7% số nước áp dụng biểu thuế suất thuế GTGT với hai mức thuế suất và số còn lại là nhiều hơn hai mức. Phần lớn các nước châu Á, đặc biệt là các nước ASEAN, chỉ áp dụng một mức thuế suất ngoài mức thuế suất 0%³. Theo đó, để phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế và nhằm thực hiện mục tiêu tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế, cần thiết rà soát để thu hẹp đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%.

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công (như hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;...) thuộc đối tượng chịu thuế 5% (ưu đãi hơn mức thuế suất phổ biến 10%). Tuy nhiên, các dịch vụ công này đã và đang tiếp tục được xã hội hóa mạnh mẽ. Theo đó, cần thiết nghiên cứu sửa đổi quy định áp dụng thuế suất ưu đãi 5% đối với các dịch vụ công đã được xã hội hóa.

2.2. Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính

2.2.1. Mục tiêu

- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, minh bạch các hoạt động kinh tế, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt và ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT, phòng chống rửa tiền, hạn chế gian lận để chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước.

- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và xu thế phát triển.

2.2.2. Giải pháp

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 5, 7, 8, 12 và Điều 13 Luật thuế GTGT để sửa đổi, bổ sung một số quy định về: đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất, điều kiện khấu trừ thuế đầu vào và hoàn thuế để có cơ sở pháp lý giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thời gian qua.

² <https://www.imf.org/external/np/fad/tpaf/pages/vat.htm> (Standard VAT Rate) (2020).

³ Các nước ASEAN áp dụng 01 mức thuế suất thuế GTGT ngoài mức 0% gồm: Campuchia, Indonesia, Lào, Thái Lan.

2.2.3. Lý do lựa chọn giải pháp

- Về đối tượng không chịu thuế GTGT

+ Trong quá trình thực hiện đàm phán các thỏa thuận vay vốn nước ngoài mà Nhà nước/Chính phủ Việt Nam là Bên đi vay có phát sinh các chi phí khác ngoài lãi tiền vay thuộc nghĩa vụ trả của Bên đi vay (các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận cho vay của Bên cho vay nước ngoài). Theo Luật thuế GTGT hiện hành thì dịch vụ cấp tín dụng (cho vay) thuộc đối tượng không chịu thuế. Theo đó, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về chính sách thuế GTGT đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế thực hiện nội dung này có phát sinh vướng mắc nên nhiều Hiệp hội, doanh nghiệp kiến nghị phải sửa đổi, bổ sung nội dung này để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế việc duy tu, sửa chữa các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội ngoài tiền đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo thì còn có nguồn vốn khác. Theo đó, để đảm bảo minh bạch các nguồn vốn đóng góp, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về tỷ lệ đóng góp để tránh vướng mắc, gian lận trong thực hiện.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều trường học tổ chức thêm các dịch vụ đi kèm hoạt động dạy học, dạy nghề như ăn bán trú, tổ chức đưa đón hoặc tổ chức ở nội trú. Theo đó, để phù hợp với tình hình thực tế, giảm chi phí cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thì cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động dạy học, dạy nghề cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trong thời gian dịch Covid-19, phát sinh trường hợp một số doanh nghiệp trong nước thực hiện nhập khẩu máy thở, áo choàng chống dịch Covid,... để ủng hộ, tài trợ cho các cơ quan, tổ chức phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, các khoản ủng hộ, tài trợ này chưa được xác định là viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nên không thuộc đối tượng

không chịu thuế GTGT. Do vậy, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng không chịu thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để ủng hộ, tài trợ nhằm khuyến khích doanh nghiệp chung tay đóng góp vì mục đích nhân đạo.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Phần mềm máy tính*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa quy định rõ phần mềm máy tính là sản phẩm phần mềm hay bao gồm cả dịch vụ phần mềm. Do vậy, để đảm bảo minh bạch chính sách và tránh cách hiểu khác nhau, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định này cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quy định này đã được áp dụng từ năm 2014. Theo đó, cần thiết nghiên cứu điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp với mức biến động của giá cả trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

+ Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành thì trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được hoặc nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động cho thuê tài chính ngày càng phát triển. Theo đó, bên cho thuê tài chính sẽ trực tiếp nhập khẩu tài sản giao cho bên thuê (không có tiền mua tài sản) sử dụng đối với tài sản đó (thay vì bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu để sử dụng). Do vậy, chính sách thuế GTGT đối với Công ty cho thuê tài chính trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị về để cho thuê tài chính cần được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu. Theo đó, để khuyến khích hoạt động cho thuê tài chính hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với hoạt động này cho phù hợp.

+ Thực tế phát sinh nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân không kinh doanh bán (thanh lý) tài sản; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí; cơ quan dự trữ bán hàng dự trữ quốc gia; thanh lý tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động không chịu thuế GTGT;... Những tổ chức, cá nhân này không phải là người nộp thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT, do vậy, tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT đã quy định hàng hóa do các tổ chức này bán không phải nộp thuế GTGT theo thẩm quyền được giao tại Luật. Theo đó, để luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định trong thời gian qua, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với các trường hợp này cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển*

nhượng chung khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Do vậy, để quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản cho phù hợp.

- Về giá tính thuế

Luật thuế GTGT hiện hành quy định giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản “*là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước*”. Tuy nhiên, quy định này còn có cách hiểu khác nhau. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh bất động sản không thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT trên phần chênh lệch giữa giá bán và tiền sử dụng đất thực tế nộp vào NSNN vì cho rằng hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật kinh doanh bất động sản và quy định tại Luật thuế GTGT, doanh nghiệp chỉ được trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN. Theo đó, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần nghiên cứu quy định cụ thể giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Về thuế suất

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu...*”. Hàng hóa bán tại khu cách ly là phục vụ cho người Việt Nam, người nước ngoài xuất cảnh, quá cảnh qua Việt Nam và là hàng xuất khẩu, được cơ quan hải quan kiểm soát chặt chẽ lượng hàng hóa ra, vào khu cách ly (doanh nghiệp có đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng xuất khẩu). Theo đó, để khuyến khích hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cũng như phát triển du lịch, cần nghiên cứu bổ sung quy định đối với hàng hóa bán tại khu vực cách ly thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0% và hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ*”. Trước ngày 01/9/2016 cửa hàng miễn thuế được xác định là khu phi thuế quan nên chính sách thuế GTGT đối với cửa hàng miễn thuế được áp dụng theo cơ chế khu phi thuế quan. Kể từ ngày 01/9/2016, theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì cửa hàng miễn thuế không đáp ứng được các điều kiện về khu phi thuế quan nên dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Theo quy định tại Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của

Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế thì hàng bán tại cửa hàng miễn thuế chủ yếu phục vụ cho khách du lịch và được tiêu dùng ngoài Việt Nam hoặc bán cho đối tượng miễn trừ ngoại giao (đối tượng được mua hàng không có thuế GTGT) hoặc người nhập cảnh (chỉ được mua hàng trong định mức). Do vậy, để khuyến khích hoạt động bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch, cũng cần nghiên cứu bổ sung quy định đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0% và hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0%, điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định thiết bị, dụng cụ y tế, thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%. Tuy nhiên, một số loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho y tế, giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học cũng có thể dùng cho văn phòng hay mục đích dân dụng khác như bàn, ghế, máy chiếu, màn hình,... Việc quy định áp dụng thuế suất 5% đối với những loại hàng hóa có thể sử dụng đa mục đích dẫn đến không thống nhất trong thực hiện, tạo kẽ hở để lợi dụng chính sách, cạnh tranh không bình đẳng. Theo đó, để phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT (là loại thuế gián thu, thu theo hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử dụng), đảm bảo minh bạch, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế, giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Thực phẩm tươi sống*” thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng phát sinh vướng mắc về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với một số mặt hàng như: thịt xay, cá cắt khúc,... Đây là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác, chỉ qua sơ chế thông thường (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) và mặt hàng này cũng là thực phẩm tươi sống (thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%). Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định mức thuế suất đối với thực phẩm tươi sống để áp dụng thống nhất.

Ngoài ra, cần bổ sung nguyên tắc xác định thuế suất thuế GTGT để đảm bảo quy định rõ ràng, minh bạch, tránh vướng mắc khi thực hiện đối với một số hàng hóa có thể áp dụng vào các điều khoản khác nhau tại Luật như vướng mắc đối với thực phẩm tươi sống nêu trên.

- Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định: “*Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế*”. Tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã có quy định cụ thể về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót. Theo đó, để đồng bộ với quy định tại Luật quản lý thuế và

phù hợp với thực tế, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là “*Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng*”. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế, phát sinh nhiều trường hợp các doanh nghiệp lợi dụng chính sách để thực hiện hành vi trốn thuế thông qua việc chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, để góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT và phòng chống rửa tiền, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về định mức hàng hóa, dịch vụ mua từng lần từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp.

- Về hoàn thuế GTGT

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo*”. Qua tổng kết đánh giá, thực tế vẫn còn một số trường hợp thường xuyên phát sinh số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra và qua nhiều kỳ vẫn chưa được khấu trừ hết như đối với trường hợp sản xuất hàng hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%. Số thuế chưa được khấu trừ hết không được hoàn này lũy kế ngày càng nhiều, các doanh nghiệp bị áp lực về vốn, nhất là trong điều kiện hiện nay. Do vậy, để tạo thuận lợi về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cần nghiên cứu bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng*”. Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư đã góp phần khích lệ đầu tư đổi mới công nghệ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng,... dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế thời gian qua. Theo đó, để khích lệ doanh nghiệp đầu tư, nâng cao năng suất lao động, đồng bộ pháp luật về dự án đầu tư, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định cơ sở kinh doanh không được

hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp: “*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động*”.

Thực tế phát sinh trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (như: điện lực, sản xuất dược phẩm, kinh doanh khách sạn,...) trong quá trình đầu tư, doanh nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp giấy chứng nhận kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi cơ sở kinh doanh chấm dứt giai đoạn đầu tư và làm đầy đủ các thủ tục khác theo quy định. Trong khi đó, khi doanh nghiệp hoàn thành dự án và phát sinh doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì không còn là dự án trong giai đoạn đầu tư nên cơ quan quản lý thuế không thực hiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư (dự án đã đi vào hoạt động).

Bên cạnh đó, việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế cũng gặp nhiều vướng mắc: Có trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép góp vốn điều lệ theo tiến độ đầu tư nên theo quy định cũng không được hoàn thuế. Có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến thời điểm cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế doanh nghiệp lại góp đủ vốn điều lệ. Do vậy, cần thiết nghiên cứu quy định rõ để tránh vướng mắc trong thực hiện.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan*”. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng theo quy định nêu trên thì tất cả hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu đều không được hoàn thuế. Cách hiểu này dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, đồng thời chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa. Theo đó, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi sẽ kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi. Theo đó, cần nghiên cứu sửa

đổi quy định về hoàn thuế đối với các trường hợp này để phù hợp với Luật doanh nghiệp.

2.3. Chính sách 3: Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật

2.3.1. Mục tiêu

- Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Đảm bảo minh bạch chính sách, tránh vướng mắc trong thực hiện.

2.3.2. Giải pháp

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 và Điều 7 Luật thuế GTGT để sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng không chịu thuế và giá tính thuế để đồng bộ với quy định của các luật khác có liên quan (Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB); Luật trông trọt; Luật chứng khoán).

2.3.3. Lý do lựa chọn giải pháp

- Tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng miễn thuế nhập khẩu bao gồm: (i) tài sản di chuyển; (ii) hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới theo định mức. Tuy nhiên, Luật thuế GTGT chưa quy định các đối tượng này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Ngoài ra, cũng cần thiết nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; hàng hóa trung chuyển;... để đồng bộ với một số quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Luật thuế GTGT quy định tên cụ thể một số mặt hàng, sản phẩm trông trọt, dịch vụ chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, câu chữ chưa đồng bộ với quy định tại Luật chứng khoán, Luật trông trọt.

- Tại Luật thuế TTĐB đã có quy định về giá tính thuế TTĐB đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược. Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa có quy định cụ thể về giá tính thuế đối với các đối tượng này.

2.4. Chính sách 4: Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển

2.4.1. Mục tiêu

- Bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội.

- Phù hợp với thông lệ và xu hướng cải cách thuế GTGT quốc tế.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

2.4.2. Giải pháp

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 8 Luật thuế GTGT để sửa đổi, bổ sung quy định về thuế suất đối với dịch vụ xuất khẩu để tránh vướng mắc trong thực hiện; nghiên cứu áp dụng mức thuế suất phổ thông phù hợp.

2.4.3. Lý do lựa chọn giải pháp

- Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế suất 0% áp dụng đối với dịch vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, do dịch vụ có tính vô hình nên trong quá trình thực hiện đã phát sinh vướng mắc trong việc xác định dịch vụ xuất khẩu, gây khó khăn cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về dịch vụ xuất khẩu để tránh vướng mắc trong thực hiện.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, đã nêu định hướng mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam cũng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế,...

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy: Xu hướng các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN là tăng cường vai trò của thuế GTGT. Số lượng quốc gia áp dụng thuế GTGT/thuế hàng hóa và dịch vụ ngày càng tăng, từ khoảng 140 nước năm 2004 lên 160 nước năm 2014, 166 nước năm 2016, 195 nước năm 2020, với xu thế phổ biến là tăng mức thuế suất GTGT.

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN LUẬT

Từ những nội dung của dự án Luật nêu trên, để triển khai tốt Luật này cần phải:

1. Có sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng từ Trung ương xuống cơ sở, các cấp chính quyền; sự phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan, đoàn thể.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích quy định của Luật nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân; tăng sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.

3. Cần có sự phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế trong quá trình thực hiện.

4. Thực hiện đồng bộ các chính sách, biện pháp: Thuế, phí, lệ phí; hành chính, tuyên truyền giáo dục,...

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án Luật thuế GTGT sửa đổi như sau:

- Chính phủ lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi, trình UBTQH để UBTQH báo cáo Quốc hội thông qua đề nghị bổ sung dự án

Luật thuế GTGT sửa đổi vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2023).

- Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật thuế GTGT sửa đổi tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2024).

- Chính phủ trình Quốc hội thông qua dự án Luật thuế GTGT sửa đổi tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2024).

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Trình kèm: Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT; Báo cáo đánh giá tác động).

Noi nhận:

BỘ TRƯỞNG

- Nhu trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (CST2) (b).

Hồ Đức Phớc